

Số: 2195 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 15 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2997/TTr-SNN ngày 10 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre (có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp trong danh mục thủ tục hành chính được thay thế (thứ tự số 03) ban hành kèm theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 05 thủ tục hành chính ban hành mới, 06 thủ tục hành chính được thay thế, 33 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ trong lĩnh vực Lâm nghiệp (quy trình số 08) ban hành kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng KSTT, TTPVHCC, KT;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



**Trần Ngọc Tam**





**Phụ lục**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẾN TRE**

*(Kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
<b>Lĩnh vực: Lâm nghiệp</b>			
1	BNN-BTr-288445	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	<i>Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>

## PHẦN II

### NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

#### LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP

**Tên thủ tục: Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, Tết) hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thành lập Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường và lập báo cáo thẩm định trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận nguồn giống theo Mẫu số 06 Phụ lục II và Mục B Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không công nhận và nêu rõ lý do.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

**- Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp;

+ Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.

**- Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Kiểm lâm.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

- **Phí, lệ phí:**

- Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đồng/01 giống; công nhận vườn giống là 2.400.000 đồng/01 vườn giống; công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đồng/01 lô giống (theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;

+ Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp;

+ Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

+ *Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

*Lưu ý: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

**Mẫu số 04. Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: /.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.... , ngày .... tháng ..... năm 20...

V/v công nhận nguồn giống cây  
trồng lâm nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ kết quả xây dựng nguồn giống và tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và công nhận nguồn giống sau đây:

Tên chủ nguồn giống (tổ chức, cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số điện thoại/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống	- Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... - Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường, công ty, tổ chức khác: - Vĩ độ: .....Kinh độ:..... - Độ cao trên mặt nước biển:
Các Thông tin chi tiết về nguồn giống đề nghị công nhận:	
1. Năm trồng:	
2. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính):	
3. Sơ đồ bố trí cây trồng:	
1. Diện tích:	
2. Chiều cao trung bình (m):	
3. Đường kính trung bình ở vị trí 1.3m (m):	
4. Đường kính tán cây trung bình (m):	
5. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện tại (số cây/ha):	
6. Tình hình ra hoa, kết quả (hạt):	
7. Năng suất, chất lượng:	
8. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):	



Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

- Vườn giống hữu tính
- Vườn giống vô tính
- Lâm phân tuyển chọn
- Rừng giống chuyên hóa
- Rừng giống trồng
- Cây mẹ (cây trội)
- Vườn cây đầu dòng

**Nơi nhận:**

**Tổ chức, cá nhân đề nghị**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 05: Mẫu báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 30 /2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
 TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
 Số: /.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
 .... , ngày .... tháng .... năm 20...

**BÁO CÁO**  
**KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG**

**1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

**2. Thông tin về nguồn giống:**

- + Nguồn gốc.
- + Tuổi trung bình hoặc năm trồng.
- + Nguồn vật liệu giống ban đầu.
- + Sơ đồ bố trí nguồn giống
- + Diện tích trồng.
- + Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.
- + Mật độ trồng (Cụ ly trồng); Mật độ hiện tại.
- + Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.
- + Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

**3. Kết luận và đề nghị:**

**Nơi nhận:**

**Tổ chức, cá nhân đề nghị**  
 (ký, ghi rõ họ tên)